

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2024/DS-ST

Ngày: 31-01-2024

V/v tranh chấp hợp đồng góp hội.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Huỳnh Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Hữu Thiện;
- Bà Nguyễn Thị Kim Đào.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng Liêm, Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Võ Công Đức, Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 481/2023/TLST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hội” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2024/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đào Thị Kim D, sinh năm 1949; địa chỉ: Ấp BD, xã PN, Huyện D, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Ngô Thành V, sinh năm 1978; địa chỉ: Ấp BD, xã PN, Huyện D, tỉnh Tây Ninh.; là người đại diện uỷ quyền (Văn bản uỷ quyền ngày 31-8-2023); có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Kiều Kim H, sinh năm 1959 (có mặt); ông Phan Thanh Q, sinh năm 1959 (có đơn đề nghị vắng mặt); cùng địa chỉ: Ấp PT, xã PN, Huyện D, tỉnh Tây Ninh.

NỘI D V U ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09-10-2023, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn, người đại diện của nguyên đơn anh Ngô Thành V trình bày:

Bà D và bà H, ông Q có mối quan hệ quen biết xóm giềng nhau, không bà con họ hàng. Bà D có tham gia góp 05 dây hội, cụ thể như sau:

+ Dây hội thứ nhất: Hội 2.000.000 đồng/tháng, mở ngày 10-4-2020 âm lịch, gồm 28 phần, bà D tham gia 01 phần; bà D hốt kỳ hội chót được số tiền 54.000.000 đồng, trừ 1.000.000 đồng tiền cò, còn lại 53.000.000 đồng, bà H đã đăng cho bà D được số tiền 23.000.000 đồng, còn nợ lại 30.000.000 đồng.

+ Dây hội thứ hai: Hội 200.000 đồng/tuần, mở ngày 25-12-2022 âm lịch, gồm 30 phần, bà D tham gia 02 phần; bà D đóng được 11 kỳ với số tiền vốn là 3.030.000 đồng; bà H ngưng hội nên còn nợ lại số tiền 3.030.000 đồng.

+ Dây hội thứ ba: Hội 1.500.000 đồng/tháng, mở ngày 20-5-2021 âm lịch, gồm 24 phần, bà D tham gia 01 phần; bà D đóng được 20 kỳ, bà H ngưng hội nên hai bên tính toán, bà H xin trả cho bà D số tiền 28.000.000 đồng.

+ Dây hội thứ tư: Hội 200.000 đồng/tuần, mở ngày 02-10-2022 âm lịch, gồm 30 phần, bà D tham gia 05 phần; bà D đóng được 20 kỳ/5 phần với số tiền vốn là 14.250.000 đồng; bà H ngưng hội nên hai bên tính toán, bà H phụ thêm tiền lời cho bà D 4.750.000 đồng, thành số tiền 19.000.000 đồng.

+ Dây hội thứ năm: Hội 5.000.000 đồng/tháng, mở ngày 02-6-2022 âm lịch, gồm 24 phần, bà D tham gia 1.5 phần (0.5 phần bà H hùn với bà D); bà D đóng được 09 kỳ với số tiền vốn là 47.770.000 đồng; bà H ngưng hội nên hai bên tính toán, bà H phụ thêm tiền lời cho bà D 2.230.000 đồng, thành số tiền 50.000.000 đồng.

Tổng cộng 05 dây hội bà H nợ bà D 130.030.000 đồng, tính chẵn là 130.000.000 đồng, bà H có viết và ký tên vào giấy nợ.

Bà D trực tiếp tham gia góp hội với bà H, nhưng chủ hội là ông Phan Thanh Q, khi ngưng hội hai bên tính toán, chót nợ tiền hội ông Q chứng kiến và đọc kỹ lại mới cho bà H ký tên; ông Q cũng đứng ra thoả thuận trả nợ, vợ chồng ông Q, bà H hứa vay ngân hàng trả nợ. Do đó, bà D yêu cầu vợ chồng ông Q, bà H cùng có trách nhiệm trả số tiền hội còn nợ là 130.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Kiều Kim H trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa:

Bà thừa nhận lời trình bày của người đại diện cho bà D về cụ thể từng dây hội là đúng. Bà xác nhận còn nợ bà D số tiền hội 130.000.000 đồng, tuy nhiên hội là do bà trực tiếp tham gia, ông Q không biết, nên nay bà đồng ý một mình bà có trách nhiệm trả số nợ này, không yêu cầu ông Q có trách nhiệm trả nợ cho bà D.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 20 tháng 12 năm 2023, bị đơn ông Phan Thanh Q trình bày:

Việc bà H tham gia góp hội ông có biết, nhưng cụ thể như thế nào thì không biết rõ. Ông xác định không tham gia góp hội với bà D, cũng không nợ tiền bà D, nên không đồng ý trả nợ. Hội bể do hội viên không đóng hội cho bà H, hiện bà H đã khởi kiện; nếu trường hợp sau này những khoản tiền lấy được không đủ để thi hành thì ông sẽ phụ trả.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội D, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội D: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; đương sự được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Bà D khởi kiện yêu cầu bà H, ông Q trả tiền nợ tiền hội, căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng góp hội, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

Bà D vắng mặt có người đại diện hợp pháp tham gia tố tụng, ông Q có đơn đề nghị vắng mặt; do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên là đúng theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội D:

[2.1] Giữa bà D với vợ chồng bà H, ông Q có tham gia góp hội với nhau là thật, thể hiện qua các sổ hội, có đầy đủ danh sách, thành viên tham gia góp hội, số tiền, ngày tháng năm mở hội; giấy xác nhận nợ tiền hội ngày 28-5-2023 (bút lục số 49); đã được bà D, bà H thống nhất thừa nhận.

[2.2] Bà H, ông Q cho rằng ông Q không tham gia vào việc góp hội của bà H nên không biết, do đó không đồng ý trả nợ, chỉ một mình bà H có trách nhiệm trả nợ cho bà D.

[2.3] Xét các sổ hui (từ bút lục số 26 đến bút lục số 34) đều thể hiện tên chủ hui là ông Phan Thanh Q. Mặt khác, ông Q và bà H là vợ chồng hợp pháp, sống chung một nhà; nguồn thu nhập từ việc tham gia góp hui nhằm phục vụ ăn uống, sinh hoạt - là nhu cầu thiết yếu của gia đình.

Quá trình giải quyết, bà H, ông Q đều cho rằng vợ chồng đã thôi nhau, mạnh ai nấy sống, nhưng không có quyết định của Tòa án. Tuy nhiên, tại hồ sơ vụ án thụ lý số: 561/2023/TLST-DS ngày 26 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, vợ chồng bà H, ông Q khởi kiện anh Phạm Văn T số tiền vay 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng vào ngày 15-8-2022 âm lịch và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật.

Như vậy, có cơ sở để khẳng định rằng lời khai của bà H, ông Q là không đúng sự thật, cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ của ông Q.

[2.4] Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà D buộc vợ chồng bà H, ông Q có nghĩa vụ trả cho bà D số tiền hui 130.000.000 đồng là có căn cứ theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các Điều 16, 17, 24 của Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về họ, hui, biêu, phường.

Bà D không yêu cầu tính lãi nên ghi nhận.

[3] Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Đương sự thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 266, 267 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về họ, hui, biêu, phường; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị Kim D đối với bà Kiều Kim H và ông Phan Thanh Q về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hụi”.

Buộc bà Kiều Kim H và ông Phan Thanh Q có nghĩa vụ trả cho bà Đào Thị Kim D số tiền hụi còn nợ là 130.000.000 (Một trăm ba mươi triệu) đồng.

Ghi nhận bà D không yêu cầu tính lãi.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Ông Phan Thanh Q, bà Kiều Kim H được miễn nộp tiền án phí.

4. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Đương sự có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Dương Minh Châu;
- Chi cục THADS H. Dương Minh Châu;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Huỳnh Châu